



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC  
VIETRANSTIMEX**

80 – 82 Bạch Đằng, P. Hải Châu I, Q.Hải Châu, TP Đà Nẵng  
Tel : 0236 – 3822057 / 3840399 Fax : 0236 – 3822478  
[www.vietranstimex.com.vn](http://www.vietranstimex.com.vn) [hrd@vietranstimex.com.vn](mailto:hrd@vietranstimex.com.vn)

Số : 303 /2017/CV-HCNS

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- |  |   |
|--|---|
| 1. Công ty   | CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC<br>VIETRANSTIMEX  |
| 2. Mã chứng khoán  | VTX   |
| 3. Trụ sở chính  | 80 – 82 Bạch Đằng, P. Hải Châu I, Q.Hải Châu,<br>TP Đà Nẵng   |
| 4. Điện thoại  | 0236 – 3840399 Fax: 0236 – 3822478  |
| 5. Người công bố thông tin                                   | Ông <b>Võ Duy Nghi</b> , Tổng giám đốc, người đại<br>diện theo pháp luật  |
| 6. Loại thông tin công bố                                    | <input type="checkbox"/> 24 giờ <input type="checkbox"/> 72 giờ <input type="checkbox"/> Yêu cầu<br><input type="checkbox"/> Bất thường <input checked="" type="checkbox"/> Định kỳ             |
| 7. Nội dung thông tin công bố                                | 1. BCTC tổng hợp bán niên năm 2017.<br>2. Công văn giải trình biến động lợi nhuận sau<br>thuế TNDN trên 10% so với cùng kỳ năm<br>trước.<br>(Nội dung công bố gửi kèm công bố thông tin<br>này) |
| 8. Địa chỉ website của công ty<br>đăng tải công bố thông tin | <a href="http://www.vietranstimex.com.vn">www.vietranstimex.com.vn</a>  |



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin *Am*

**Nơi nhận:**

Như trên;  
HDQT, BKS;  
Lưu HCNS;  
Website Công ty



*Am*  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Võ Duy Nghi*

CÔNG TY CỔ  
PHẦN VẬN TẢI  
ĐA PHƯƠNG  
THỨC  
VIETRANSTIM  
EX

Digitally signed by CÔNG TY  
CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA  
PHƯƠNG THỨC  
VIETRANSTIMEX  
DN: cn=CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG  
THỨC VIETRANSTIMEX,  
c=VN, l=Hải Châu, st=ĐÀ  
NẴNG  
Date: 2017.08.11 08:25:57  
+07'00'



**Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức  
Vietranstimex**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 32

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ("BGTVT") ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 27 tháng 1 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp GCNĐKDN số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 80-82 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch	
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	
Ông Võ Duy Nghi	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Tăng Mãng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Tường Minh	Trưởng ban	
Ông Ông Văn Khương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Công Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên	miễn nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2017

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Duy Nghi	Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Tử	Phó Tổng Giám đốc

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Duy Nghi.

Ông Phan Văn Phúc được Ông Võ Duy Nghi ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 21/UQ.TGD ngày 3 tháng 8 năm 2017.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phan Văn Phúc  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61345701-19386038/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty") được lập ngày 7 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được soát xét và kiểm toán tương ứng bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, lần lượt phát hành các báo cáo chấp nhận toàn phần vào ngày 20 tháng 7 năm 2016 và ngày 17 tháng 3 năm 2017.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>200.858.488.181</b>	<b>191.587.416.810</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>81.545.257.746</b>	<b>67.814.830.185</b>
111	1. Tiền		15.545.257.746	25.414.830.185
112	2. Các khoản tương đương tiền		66.000.000.000	42.400.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>99.177.902.017</b>	<b>106.706.339.310</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	105.589.827.130	111.894.291.665
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.688.783.333	1.739.985.775
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.785.477.004	9.755.702.446
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7	(15.886.185.450)	(16.683.640.576)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>17.708.173.301</b>	<b>9.607.624.539</b>
141	1. Hàng tồn kho		18.185.188.885	10.084.640.123
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(477.015.584)	(477.015.584)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.427.155.117</b>	<b>7.458.622.776</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.401.716.965	1.766.340.290
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.023.956.898	5.235.362.672
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	1.481.254	456.919.814
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>148.954.123.127</b>	<b>160.450.509.725</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>	<b>7</b>	<b>256.747.370</b>	<b>223.747.370</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		256.747.370	223.747.370
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>123.615.187.318</b>	<b>152.851.828.046</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	107.320.050.213	136.496.554.633
222	Nguyên giá		528.701.734.176	532.820.776.019
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(421.381.683.963)	(396.324.221.386)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	16.295.137.105	16.355.273.413
228	Nguyên giá		17.853.835.967	17.843.348.567
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.558.698.862)	(1.488.075.154)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>18.884.290.473</b>	<b>155.225.441</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		18.884.290.473	155.225.441
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>816.000.000</b>	<b>816.000.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		816.000.000	816.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.381.897.966</b>	<b>6.403.708.868</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	5.381.897.966	6.403.708.868
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>349.812.611.308</b>	<b>352.037.926.535</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>91.434.060.115</b>	<b>74.776.286.994</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>90.989.560.115</b>	<b>74.348.786.994</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	21.994.944.295	27.830.260.470
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	6.177.426.081	7.410.765.421
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.285.544.268	5.781.033.380
314	4. Phải trả người lao động		3.865.123.113	13.170.952.847
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	210.632.599	475.941.940
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		14.640.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	33.355.299.942	2.339.424.585
320	8. Vay ngắn hạn	19	19.212.270.498	15.772.006.106
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.873.679.319	1.568.402.245
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>18</b>	<b>444.500.000</b>	<b>427.500.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		444.500.000	427.500.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>258.378.551.193</b>	<b>277.261.639.541</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>258.378.551.193</b>	<b>277.261.639.541</b>
411	1. Vốn cổ phần		209.723.210.000	209.723.210.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.257.068.213	15.257.068.213
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.352.597.635	2.909.120.561
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.045.675.345	49.372.240.767
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		13.026.805.119	502.699.279
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		15.018.870.226	48.869.541.488
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>349.812.611.308</b>	<b>352.037.926.535</b>

  
Hoàng Thị Thanh Huyền  
Người lập

  
Bùi Thị Ngọc Hà  
Kế toán trưởng

  
Phan Văn Phúc  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	130.027.335.777	187.931.234.862
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(100.049.595.019)	(153.259.614.424)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.977.740.758	34.671.620.438
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	1.644.944.868	1.362.447.295
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	(428.347.077) (332.293.440)	(1.167.164.923) (994.685.324)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(13.952.564.671)	(19.392.422.541)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.241.773.878	15.474.480.269
31	8. Thu nhập khác	26	3.006.819.755	5.673.917.143
32	9. Chi phí khác	26	(317.223.204)	(252.283.063)
40	10. Lợi nhuận khác		2.689.596.551	5.421.634.080
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.931.370.429	20.896.114.349
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(4.912.500.203)	(3.926.496.120)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		15.018.870.226	16.969.618.229
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	716	809
71	15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	716	809

Hoàng Thị Thanh Huyền  
Người lập

Bùi Thị Ngọc Hà  
Kế toán trưởng



Phan Văn Phúc  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>19.931.370.429</b>	<b>20.896.114.349</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	29.004.466.343	29.175.839.917
03	Các khoản dự phòng		(797.455.126)	(2.107.096.906)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		11.608.154	102.665.871
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.367.109.277)	(6.558.940.012)
06	Chi phí lãi vay	23	332.293.440	994.685.324
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>44.115.173.963</b>	<b>42.503.268.543</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		13.529.316.093	(6.486.070.647)
10	Tăng hàng tồn kho		(8.100.548.762)	(3.881.000.687)
11	Giảm các khoản phải trả		(11.403.166.774)	(26.937.231.913)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.992.060.323)	1.075.195.520
14	Tiền lãi vay đã trả		(328.558.571)	(999.115.458)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.653.828.052)	(846.347.356)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	125.500.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(138.200.000)	(577.384.024)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>27.028.127.574</b>	<b>3.976.813.978</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(19.729.430.849)	(258.725.440)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.392.148.784	5.609.128.777
23	Tiền chi cho vay		(47.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		47.000.000.000	1.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức		1.615.074.513	945.447.215
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(16.722.207.552)</b>	<b>7.295.850.552</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		49.929.483.960	87.955.171.998
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(46.489.219.568)	(79.736.026.633)
36	Cổ tức đã trả	20.3	(11.391.070)	(63.033.100)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		<b>3.428.873.322</b>	<b>8.156.112.265</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>13.734.793.344</b>	<b>19.428.776.795</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>67.814.830.185</b>	<b>69.273.007.840</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.365.783)	(6.871.017)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>81.545.257.746</b>	<b>88.694.913.618</b>

Hoàng Thị Thanh Huyền  
Người lập

Bùi Thị Ngọc Hà  
Kế toán trưởng



Phan Văn Phúc  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (“Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải (“BGTVT”) ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 27 tháng 1 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp GCNĐKDN số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 80-82 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 353 (31 tháng 12 năm 2016: 350).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |  |
|--|---|--|
| Nguyên liệu, nhiên liệu và công cụ dụng cụ | - | chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước  |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang       | - | lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường |

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng, lắp đặt và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được ghi nhận như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên doanh*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Dự phòng chung**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.14 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.17 Báo cáo bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, Công ty không phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	2.162.815.000	961.574.500
Tiền gửi ngân hàng	13.382.442.746	24.453.255.685
Các khoản tương đương tiền (*)	66.000.000.000	42.400.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>81.545.257.746</b>	<b>67.814.830.185</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 0,5%/năm đến 5,3%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	7.390.487.048	524.000.000
Bên khác	98.199.340.082	111.370.291.665
<i>Cosco Logistics Kunming Co., Ltd</i>	24.865.156.645	24.916.696.805
<i>Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro</i>	14.450.000.000	
<i>Khác</i>	58.884.183.437	86.453.594.860
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>105.589.827.130</b>	<b>111.894.291.665</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(14.456.592.088)	(15.254.047.214)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>91.133.235.042</b>	<b>96.640.244.451</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Beton 6	885.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vạn Hạnh	743.500.000	-
Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart	400.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thuê tàu Hoàng Gia	200.000.000	200.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam tại Thành phố. Hồ Chí Minh	-	206.888.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Cơ khí Vận tải Song Hằng	-	575.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Tùng Bá	-	200.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Tân Hải	-	222.466.000
Khác	460.283.333	335.631.775
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.688.783.333</b>	<b>1.739.985.775</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.785.477.004</b>	<b>9.755.702.446</b>
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	114.736.000	-
Bên khác		
<i>Tạm ứng nhân viên</i>	5.664.474.358	8.586.635.614
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	222.600.000	222.300.000
<i>Khác</i>	783.666.646	946.766.832
<b>Dài hạn</b>	<b>256.747.370</b>	<b>223.747.370</b>
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	256.747.370	223.747.370
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.042.224.374</b>	<b>9.979.449.816</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.429.593.362)	(1.429.593.362)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>5.612.631.012</b>	<b>8.549.856.454</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nhiên liệu, vật liệu	9.175.026.523	8.845.402.429
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.728.427.765	954.610.097
Hàng hóa	191.256.800	191.256.800
Công cụ, dụng cụ	90.477.797	93.370.797
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.185.188.885</b>	<b>10.084.640.123</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(477.015.584)	(477.015.584)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>17.708.173.301</b>	<b>9.607.624.539</b>

(\*) Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	(477.015.584)	(511.598.847)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	34.583.263
Số cuối kỳ	(477.015.584)	(477.015.584)

## Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	31.393.519.377	33.525.688.988	466.721.341.369	1.180.226.285	532.820.776.019
Thanh lý	(272.727.272)	(1.656.428.571)	(2.189.886.000)	-	(4.119.041.843)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	31.120.792.105	31.869.260.417	464.531.455.369	1.180.226.285	528.701.734.176
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	144.256.000	23.602.813.691	177.469.246.440	1.146.726.285	202.363.042.416
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(13.533.534.923)	(30.129.886.365)	(351.510.918.016)	(1.149.882.082)	(396.324.221.386)
Khấu hao trong kỳ	(991.736.822)	(1.173.486.280)	(26.763.036.199)	(5.583.334)	(28.933.842.635)
Thanh lý	130.984.851	1.555.509.207	2.189.886.000	-	3.876.380.058
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	(14.394.286.894)	(29.747.863.438)	(376.084.068.215)	(1.155.465.416)	(421.381.683.963)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	17.859.984.454	3.395.802.623	115.210.423.353	30.344.203	136.496.554.633
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	16.726.505.211	2.121.396.979	88.447.387.154	24.760.869	107.320.050.213

Công ty đã sử dụng một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 16.181.258.940 VND làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng. Chi tiết của khoản vay này được thể hiện tại *Thuyết minh số 19*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phản mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	15.949.312.231	1.894.036.336	17.843.348.567
Tăng khác	10.487.400	-	10.487.400
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	15.959.799.631	1.894.036.336	17.853.835.967
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.433.468.336	1.433.468.336
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	(1.488.075.154)	(1.488.075.154)
Khấu hao trong kỳ	-	(70.623.708)	(70.623.708)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	(1.558.698.862)	(1.558.698.862)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	15.949.312.231	405.961.182	16.355.273.413
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	15.959.799.631	335.337.474	16.295.137.105

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 7.552.136.460 VND làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng. Chi tiết của khoản vay này được thể hiện tại *Thuyết minh số 19*.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt.

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty liên doanh	816.000.000	-	816.000.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

Tên công ty liên doanh, liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
		%	VND	%	VND
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex (i)	Vận tải	51	816.000.000	51	816.000.000

(i) Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex ("BNX-Vietranstimex") đã ngừng hoạt động theo biên bản thỏa thuận số VTT-BNX/2011-001 ngày 4 tháng 4 năm 2011. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, BNX-Vietranstimex đang tiến hành các thủ tục nhằm giải thể. Công ty đã nhận được khoản hoàn trả vốn góp liên doanh trong BNX-Vietranstimex (Thuyết minh số 28).

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.401.716.965</b>	<b>1.766.340.290</b>
Phí sử dụng đường bộ	451.320.448	273.917.997
Chi phí công cụ dụng cụ, vật tư phụ tùng	52.013.505	112.380.163
Chi phí sửa chữa tài sản	-	930.724.478
Khác	898.383.012	449.317.652
<b>Dài hạn</b>	<b>5.381.897.966</b>	<b>6.403.708.868</b>
Chi phí thuê	2.567.607.863	6.015.497.225
Chi phí cải tạo văn phòng và sửa chữa tài sản	2.531.417.766	318.685.100
Chi phí công cụ dụng cụ	243.647.057	9.524.558
Khác	39.225.280	60.001.985
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.783.614.931</b>	<b>8.170.049.158</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	2.387.601.960	193.935.000
Bên khác	19.607.342.335	27.636.325.470
Công ty TNHH Joongang Crane Vina	3.358.999.980	3.947.999.980
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ cầu kiện	3.612.500.000	-
Siêu trường Siêu trọng Petrosetco-ALE	12.635.842.355	23.688.325.490
Khác	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.994.944.295</b>	<b>27.830.260.470</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Ban Dự Án Nhiệt điện Long Phú	4.766.266.571	-
Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi	731.801.791	1.248.432.906
Ngô Thị Hiền	-	5.611.476.950
Khác	679.357.719	550.855.565
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.177.426.081</u></b>	<b><u>7.410.765.421</u></b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	4.391.339	-	(3.110.586)	1.280.753
Thuế thu nhập doanh nghiệp	200.501	-	-	200.501
Thuế thu nhập cá nhân	452.327.974	-	(452.327.974)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>456.919.814</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>(455.438.560)</u></b>	<b><u>1.481.254</u></b>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.325.867.169	4.912.500.203	(8.653.828.052)	1.584.539.320
Thuế giá trị gia tăng	353.622.921	12.824.627.173	(12.513.087.908)	665.162.186
Thuế thu nhập cá nhân	98.961.268	1.235.090.077	(1.300.790.605)	33.260.740
Thuế xuất nhập khẩu	-	30.390.763	(30.390.763)	-
Khác	2.582.022	589.385.897	(589.385.897)	2.582.022
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.781.033.380</u></b>	<b><u>19.591.994.113</u></b>	<b><u>(23.087.483.225)</u></b>	<b><u>2.285.544.268</u></b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phí kiểm toán	195.000.000	113.636.364
Chi phí lãi vay	15.632.599	11.897.730
Khác	-	350.407.846
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>210.632.599</u></b>	<b><u>475.941.940</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>33.355.299.942</b>	<b>2.339.424.585</b>
Cổ tức phải trả	31.743.146.381	296.055.951
Khác	1.612.153.561	2.043.368.634
<b>Dài hạn</b>	<b>444.500.000</b>	<b>427.500.000</b>
Khác	444.500.000	427.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.799.799.942</b>	<b>2.766.924.585</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	27.241.125.000	816.000.000
<i>Phải trả bên khác</i>	6.558.674.942	1.950.924.585

**19. VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngân hàng	<u>19.212.270.498</u>	<u>15.772.006.106</u>

Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Kỳ hạn trả gốc và trả lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	18.039.015.724	Ngày 25 tháng 9 năm 2017	5,4 – 5,5	Quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Đà Nẵng	1.173.254.774	Ngày 27 tháng 9 năm 2017	5,6	Phương tiện vận tải bao gồm 4 xe Rơ moóc tự hành và 48 trục Rơ moóc tự hành
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>19.212.270.498</b></u>			

## Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	209.723.210.000	15.257.068.213	1.995.096.137	11.026.545.546	238.001.919.896
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	16.969.618.229	16.969.618.229
Trích lập các quỹ	-	-	914.024.424	(1.828.048.848)	(914.024.424)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(8.388.928.400)	(8.388.928.400)
Khác	-	-	-	(306.869.019)	(306.869.019)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	209.723.210.000	15.257.068.213	2.909.120.561	17.472.317.508	245.361.716.282
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	209.723.210.000	15.257.068.213	2.909.120.561	49.372.240.767	277.261.639.541
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	15.018.870.226	15.018.870.226
Trích lập các quỹ	-	-	2.443.477.074	(4.886.954.148)	(2.443.477.074)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(31.458.481.500)	(31.458.481.500)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	28.045.675.345	258.378.551.193

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Cổ phiếu**

	<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	20.972.321	20.972.321
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	20.972.321	20.972.321
Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (Năm 2016: 10.000 VND).		

**20.3 Cổ tức**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong kỳ</b>		
<i>Cổ tức đã công bố trong kỳ</i>	31.458.481.500	8.388.928.400
<i>Cổ tức đã trả trong kỳ</i>	11.391.070	63.033.100

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	130.027.335.777	187.592.544.798
Doanh thu bán hàng hóa	-	338.690.064
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>130.027.335.777</b>	<b>187.931.234.862</b>

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.610.680.154	1.353.351.230
Lãi chênh lệch tỷ giá	34.264.714	9.096.065
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.644.944.868</b>	<b>1.362.447.295</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	100.049.595.019	152.978.941.409
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	280.673.015
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>100.049.595.019</u></b>	<b><u>153.259.614.424</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền vay	332.293.440	994.685.324
Lỗ chênh lệch tỷ giá	96.053.637	172.479.599
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>428.347.077</u></b>	<b><u>1.167.164.923</u></b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nhân công	9.978.506.223	15.997.766.538
Chi phí khấu hao và hao mòn	375.224.081	506.253.008
Dự phòng phải thu khó đòi	(797.455.126)	(2.096.668.906)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.954.385.120	3.203.588.281
Chi phí bằng tiền khác	1.441.904.373	1.781.483.620
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.952.564.671</u></b>	<b><u>19.392.422.541</u></b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	8.570.864.607	17.138.779.645
Chi phí nhân công	24.303.030.543	27.251.263.731
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	29.004.466.343	29.175.839.917
Chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ	49.308.596.681	97.713.502.465
Chi phí khác	2.815.201.516	1.372.651.207
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>114.002.159.690</u></b>	<b><u>172.652.036.965</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>3.006.819.755</b>	<b>5.673.917.143</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.756.429.123	5.373.994.730
Tiền phạt thu được	18.800.000	90.349.609
Thu nhập khác	231.590.632	209.572.804
<b>Chi phí khác</b>	<b>317.223.204</b>	<b>252.283.063</b>
Chi phí nộp phạt	20.000.000	18.414.535
Chi phí khác	297.223.204	233.868.528
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b><u>2.689.596.551</u></b>	<b><u>5.421.634.080</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% thu nhập tính thuế. (Năm 2016: 20%)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.844.179.058	3.926.496.120
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	68.321.145	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.912.500.203</u></b>	<b><u>3.926.496.120</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>19.931.370.429</b>	<b>20.896.114.349</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	3.986.274.086	4.179.222.870
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	733.504.355	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	68.321.145	-
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(252.726.750)
Khác	124.400.617	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>4.912.500.203</b>	<b>3.926.496.120</b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan:*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Cho vay	47.000.000.000	-
		Thu hồi nợ vay	47.000.000.000	-
		Cung cấp dịch vụ vận tải	8.255.870.641	75.000.000
		Mua nhiên liệu	2.100.235.106	-
		Lãi cho vay	655.861.111	-
		Thuê văn phòng	421.351.820	-
		Cổ tức công bố	26.425.125.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Bên liên quan	Sửa chữa sà lan	504.443.342	-
		Thuê văn phòng	538.809.430	-
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Bên liên quan	Thuê vận chuyển	158.050.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	7.367.171.048	64.000.000
		Cho thuê văn phòng	23.316.000	10.000.000
		Bán tài sản	-	450.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>7.390.487.048</b>	<b>524.000.000</b>
<b>Phải thu khác</b>				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Thu chi hộ	114.736.000	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Mua nhiều liệu	1.705.862.600	-
		Thuê văn phòng	186.988.860	-
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Bên liên quan	Thuê văn phòng	494.750.500	-
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Bên liên quan	Thuê dịch vụ vận chuyển	-	193.935.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.387.601.960</b>	<b>193.935.000</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Cổ tức	26.425.125.000	-
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex	Công ty liên doanh	Phải trả khác	816.000.000	816.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>27.241.125.000</b>	<b>816.000.000</b>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	893.015.000	868.188.500
Thù lao Hội đồng Quản trị	102.000.000	63.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>995.015.000</b>	<b>931.188.500</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	15.018.870.226	16.969.618.229
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	15.018.870.226	16.969.618.229
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	20.972.321	20.972.321
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	716	809

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 do kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**30. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

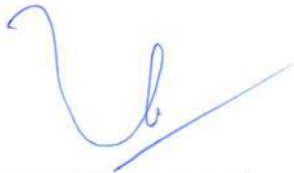
Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	863.028.500	281.028.500
Từ 1 đến 5 năm	2.314.228.000	2.248.228.000
Trên 5 năm	10.538.568.750	10.819.597.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.715.825.250</u></b>	<b><u>13.348.853.750</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Hoàng Thị Thanh Huyền  
Người lập



Bùi Thị Ngọc Hà  
Kế toán trưởng



Phan Văn Phúc  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2017



Số: 306 /2017/CV-TCKT  
V/v giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN  
tại BCTC bán niên năm 2017 biến động  
trên 10% so với cùng kỳ năm trước

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2017

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Tên Công ty đại chúng: Công ty CP Vận tải Đa phương thức Vietranstimex**

Địa chỉ trụ sở chính: 80-82 Bạch Đằng, P.Hải Châu I, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng

Điện thoại: (84-236) 3840399

Fax: (84-236) 3822478

Website: www.vietranstimex.com.vn

Email: sales@vietranstimex.com.vn

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex xin giải trình biến động chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại BCTC bán niên năm 2017 như sau:

Đvt: trđ

Báo cáo	Sáu tháng đầu năm 2017	Sáu tháng đầu năm 2016	Chênh lệch	
			Số tiền	%
(1)	(2)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)=(8)/(7)
BCTC tổng hợp	15.018	16.969	(1.951)	(11,5%)
BCTC riêng	10.547	12.990	(2.443)	(18,8%)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại BCTC bán niên năm 2017 giảm trên 10% so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân sau:

- Một số công trình dự kiến thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2017 bị giãn tiến độ hoặc hoãn thực hiện.
- Công ty vẫn đang thực hiện trích khấu hao nhanh cho các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị đầu tư từ năm 2015 trở về trước.

Trân trọng kính chào!

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Võ Duy Nghi

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: HCNS, TCKT;
- H.T.T.Huyền/3.